

Số: 1514 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty cổ phần khoai mì Tây Ninh tại Văn bản số 26/GPMT ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 008/KMTN/2024 ngày 22 tháng 07 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Nhà máy chế biến tinh bột mì (sắn) và sản xuất đường glucoza (mạch nha) tại ấp Tân Hoà, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 454.5./TTr-STNMT ngày 29 tháng 7 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần khoai mì Tây Ninh địa chỉ tại ấp Tân Hoà, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến tinh bột mì (sắn) và sản xuất đường glucoza (mạch nha) tại ấp Tân Hoà, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

- Tên Cơ sở: Nhà máy chế biến tinh bột mì (sắn) và sản xuất đường glucoza (mạch nha)
- Địa điểm hoạt động: ấp Tân Hoà, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh Dự án Nhà máy chế biến tinh bột mì (sắn) và sản xuất đường glucoza (mạch nha), đường fructose, kẹo; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4366330075 ngày 31/01/1994 chứng nhận điều chỉnh lần thứ 12 ngày 18/8/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp
- Mã số thuế: 3900244565
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến tinh bột (sắn), đường glucoza

(mạch nha).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô, công suất: tinh bột khoai mì 107,2 tấn/ngày, bột gạo (hoặc nếp) 42,8 tấn/ngày, mạch nha 150 tấn/ngày

- Thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty cổ phần khoai mì Tây Ninh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần khoai mì Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần khoai mì Tây Ninh hoặc tại trụ sở UBND xã Tân Bình; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.7. Thực hiện thủ tục về đất đai của Nhà máy theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: đến ngày 31/12/2030 (áp dụng theo thời gian hoạt động tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại mã số dự án 4366330075 ngày 31/01/1994 đăng ký điều chỉnh lần thứ 12 ngày 18/8/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp).

Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến tinh bột mì (sắn) và sản xuất đường glucoza (mạch nha) của Công ty cổ phần khoai mì Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày ký giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Tây Ninh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy của Công ty cổ phần khoai mì Tây Ninh được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Tây Ninh;
- UBND xã Tân Bình;
- Cty CP khoai mì Tây Ninh;
- Đăng tải trang thông tin điện tử của Sở TN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH .



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1514/GPMT-UBND
ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại Nhà máy, lưu lượng lớn nhất là 40 m³/ngày.

* Dây chuyền sản xuất tinh bột mì:

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ công đoạn rửa nguyên liệu, lưu lượng lớn nhất là 514,56 m³/ngày.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ công đoạn băm, nghiền nhỏ, lưu lượng lớn nhất là 214,4 m³/ngày.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ công đoạn ly tâm tách bã, lưu lượng lớn nhất là 643,2 m³/ngày.

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ công đoạn ly tâm tách dịch, lưu lượng lớn nhất là 686,08 m³/ngày.

- Nguồn số 06: nước thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh máy móc, thiết bị, lưu lượng lớn nhất là 85,76 m³/ngày.

* Dây chuyền sản xuất bột gạo (hoặc nếp):

- Nguồn số 07: nước thải phát sinh từ công đoạn ngâm nguyên liệu, lưu lượng lớn nhất là 291,04 m³/ngày.

- Nguồn số 08: nước thải phát sinh từ công đoạn nghiền nguyên liệu, lưu lượng lớn nhất là 171,2 m³/ngày.

- Nguồn số 09: nước thải phát sinh từ công đoạn ly tâm tách dịch, lưu lượng lớn nhất là 359,52 m³/ngày.

- Nguồn số 10: nước thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh máy móc, thiết bị, lưu lượng lớn nhất là 34,24 m³/ngày.

* Dây chuyền sản xuất mạch nha:

- Nguồn số 11: nước thải phát sinh từ công đoạn pha loãng dung dịch tinh bột, lưu lượng lớn nhất là 560 m³/ngày.

- Nguồn số 12: nước thải phát sinh từ công đoạn lọc, lưu lượng lớn nhất là 20 m³/ngày.

- Nguồn số 13: nước thải phát sinh từ công đoạn tái sinh vật liệu trao đổi ion, lưu lượng lớn nhất là 20 m³/ngày.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	03 tháng/lần	Thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	TSS	mg/l	45		
3	BOD ₅	mg/l	27		
4	COD	mg/l	67,5		
5	Tổng Nito	mg/l	36		
6	Tổng Xianua	mg/l	0,063		
7	Tổng Phốtpho	mg/l	9		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải vào hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của nhân viên tại các nhà xưởng, văn phòng với lưu lượng là 40 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại có thể tích 60 m³/bể; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất thiết kế 3.500 m³/ngày.đêm bằng tuyến ống PVC Ø = 168 mm, dài khoảng 100 m để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu vực sản xuất bột mì, bột gạo (hoặc nếp) được thu gom bằng đường mương bê tông cốt thép, với kích thước RxC = 0,45 m x 0,7 m, dài khoảng 60 m dẫn về hố thu gom có kích thước D x R x C = 1,5 m x 1 m x 1,5 m sau đó bơm lên lồng lặn cát rồi chảy về mương lắng cát. Nước thải sau mương lắng cát dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất 3.500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải phát sinh từ khu vực sản xuất mạch nha được thu gom bằng mương bê tông cốt thép có kích thước RxC = 0,5 m x 0,4 m dài khoảng 201,38 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất 3.500 m³/ngày.đêm.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom bằng mương bê tông cốt thép có kích thước RxC = 0,9 m x 1,4 m, dài khoảng 8,5 m sau đó theo đường ống PVC Ø168 mm, dài khoảng 170 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất 3.500 m³/ngày.đêm.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất của Nhà máy được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy có công suất thiết kế 3.500 m³/ngày.đêm để xử lý theo phương án nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 63:2017/BTNMT hệ số Kq=0,9, Kf=1,0 trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Một (01) bể kỵ khí có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 14,9 m x 12,9 m x 6,5 m.

+ Một (01) bể trung gian có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 12,9 m x 1,0 m x 1,5 m.

+ Một (01) bể thiếu khí có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 15 m x 9,0 m x 5,0 m.

+ Một (01) bể hiếu khí có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 33,1 m x 11 m x 5,0 m.

+ Một (01) ngăn lắng sinh học có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 1,4 m x 2,0 m x 2,5 m.

+ Một (01) ngăn trộn hoá chất có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 2,8 m x 2,0 m x 2,5 m.

+ Một (01) bể lắng hoá lý có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 15 m x 15 m x 5,0 m.

+ Một (01) bể khử trùng có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 4,25 m x 2,15 m x 5,0 m.

+ Một (01) bể ổn định có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 7,1 m x 4,6 m x 3,2 m.

+ Một (01) bể chứa bùn có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 2,2 m x 2,0 m x 5,0 m.

+ Một (01) bể nén bùn có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép có kích thước 4,5 m x 4,2 m x 5,0 m.

- Công suất thiết kế: 3.500 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số lắp đặt: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), COD, TSS, pH, nhiệt độ, Amonium.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: tự động lấy mẫu bằng điều khiển từ xa.

- Camera theo dõi: lắp đặt camera giám sát hệ thống xử lý nước thải.

- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu quan trắc được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

- Thực hiện yêu cầu kỹ thuật của thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục đúng theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.5. Bố trí kinh phí để duy tu, bảo trì định kỳ công trình xử lý nước thải để đảm bảo xử lý đạt giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 63:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn, cột A, hệ số $Kq = 0,9$ và $Kf = 1,0$.

3.6. Các loại nguyên, nhiên vật liệu, phế liệu phải được bố trí lưu trữ trong kho có mái che, hạn chế rơi vãi và chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa trôi ra suối. Vệ sinh, thu gom rác thải trong toàn bộ khuôn viên Nhà máy và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.7. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.8. Thường xuyên kiểm tra, gia cố bờ bao các bể xử lý nước thải tránh trường hợp rò rỉ nước thải hoặc vỡ bờ bao; tháo dỡ các đường ống PVC không còn sử dụng.

3.9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp làm việc trong Nhà máy theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3.10. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy đạt QCVN 63:2017/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn, cột A, hệ số $Kq=0,9$, $Kf=1$; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 0,8$ sau đó thoát ra 01 ống thoát cao 24m.

- Dòng thải số 06: nguồn số 06 được thu gom theo đường ống dẫn sau đó theo quạt hút thoát ra ngoài môi trường.

- Dòng thải số 07: nguồn số 07 được thu gom theo đường ống dẫn sau đó theo quạt hút thoát ra ngoài môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Dòng thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): tại ống thải sau quạt hút của hệ thống sấy bột mì, bột gạo (hoặc nếp). Tọa độ vị trí xả thải như sau: $X = 567\ 163$, $Y = 1257\ 068$.

- Dòng thải số 02 (tương ứng nguồn số 02): tại ống thải sau quạt hút của hệ thống đóng bao thành phẩm bột mì, bột gạo (hoặc nếp). Tọa độ vị trí xả thải như sau: $X = 567\ 068$, $Y = 1257\ 225$.

- Dòng thải số 03 (tương ứng nguồn số 03): tại ống thải sau buồng đốt cấp nhiệt cho hệ thống sấy tinh bột mì, bột gạo (hoặc nếp). Tọa độ vị trí xả thải như sau: $X = 567136$, $Y = 1257064$;

- Dòng thải số 04 (tương ứng nguồn số 04): tại ống thải sau buồng đốt lò hơi có công suất 12 tấn/giờ cấp nhiệt cho quy trình sản xuất mạch nha. Tọa độ vị trí xả thải như sau: $X = 567\ 112$, $Y = 1257\ 233$.

- Dòng thải số 05 (tương ứng nguồn số 05): tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi có công suất 15 tấn/giờ cấp nhiệt cho quy trình sản xuất mạch nha. Tọa độ vị trí xả thải như sau: $X = 567\ 060$, $Y = 1257\ 210$.

- Dòng thải số 06 (tương ứng nguồn số 06): tại ống thải của máy phát điện dự phòng 1000KVA. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: $X = 567\ 157$, $Y = 1257\ 245$.

- Dòng thải số 07 (tương ứng nguồn số 07): tại ống thải của máy phát điện dự phòng 100KVA. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: $X = 567\ 328$, $Y = 1257\ 712$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

- Vị trí xả thải: trong phạm vi khu đất của Nhà máy tại xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

2.3. Lưu lượng xả khí thải:

- Dòng thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $14.120\ m^3/giờ$;

- Dòng thải số 02: lưu lượng xả bụi lớn nhất $11.552\ m^3/giờ$;

- Dòng thải số 03: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $11.552\ m^3/giờ$;

- Dòng thải số 04: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $30.000\ m^3/giờ$;

- Dòng thải số 05: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $36.500\ m^3/giờ$;

- Dòng thải số 06: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $3.820\ m^3/giờ$;

- Dòng thải số 07: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $415\ m^3/giờ$.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Nguồn số 01: bụi phát sinh từ công đoạn sấy bột mì, bột gạo (hoặc nếp) được thu gom theo đường ống dẫn bằng vật liệu thép để thu gom về cyclone thu hồi bụi bột; tại đây bụi bột được giữ lại; khí sạch thoát ra ngoài thông qua ống thoát có đường kính 0,8m, chiều cao 8m.

- Nguồn số 02: bụi phát sinh từ hệ thống đóng bao thành phẩm được thu gom theo đường ống dẫn bằng vật liệu thép, để thu gom về cyclone thu hồi bụi bột; tại đây bụi bột được giữ lại; khí sạch thoát ra ngoài thông qua ống thoát có đường kính 0,38m, chiều cao 3m.

- Nguồn số 03: khí thải từ buồng đốt (sử dụng nhiên liệu khí biogas) của lò đốt cấp nhiệt cho hệ thống sấy tinh bột mì, bột gạo (hoặc nếp) được thu gom thoát ra môi trường thông qua ống thoát bằng vật liệu inox, có đường kính 0,4m, chiều cao 12m thoát ra ngoài môi trường thông qua quạt hút.

- Nguồn số 04: khí thải từ buồng đốt (sử dụng nhiên liệu khí biogas) của lò hơi công suất 12 tấn/giờ cấp nhiệt cho quy trình sản xuất mạch nha được thu gom thoát ra môi trường thông qua ống thoát bằng vật liệu thép có đường kính 1,26m, chiều cao 12m thoát ra ngoài môi trường thông qua quạt hút.

- Nguồn số 05: khí thải từ buồng đốt (sử dụng nhiên liệu đốt là than đá nhiên liệu dự phòng là biomass) của lò hơi công suất 15 tấn/giờ cấp nhiệt cho quy trình sản xuất mạch nha được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải; khí thải sau xử lý thoát ra môi trường thông qua ống thoát bằng vật liệu thép có đường kính 1,26m, chiều cao 24m.

- Nguồn số 06: khí thải từ hoạt động đốt nhiên liệu (dầu DO) vận hành máy phát điện dự phòng 1000KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống cao 1,5m, vật liệu bằng inox.

- Nguồn số 07: khí thải từ hoạt động đốt nhiên liệu (dầu DO) vận hành máy phát điện dự phòng 100KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống cao 0,8m, vật liệu bằng inox.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi:

* Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn sấy bột mì, bột gạo (hoặc nếp):

- Quy trình: bụi → chụp hút - ống dẫn → cyclon thu hồi → quạt hút → ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế: 14.120 m³/giờ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả khí thải. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của khí thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Thực hiện kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn lò hơi đảm bảo theo quy định.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

- Vị trí 8 (tương ứng nguồn số 08): X = 567 083; Y = 1257 224;
- Vị trí 9 (tương ứng nguồn số 09): X = 567 157; Y = 1257 245;
- Vị trí 10 (tương ứng nguồn số 10): X = 567 328; Y = 1257 712;
- Vị trí 11 (tương ứng nguồn số 11): X = 567 000; Y = 1257 205.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:
 - + Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
 - + Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
 - + Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:
 - + Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...
 - + Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15/4./GPMT – UBND
ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	240	16 01 06	NH
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	2.400	17 02 04	NH
3	Bao bì mềm (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	2.400	18 01 01	KS
4	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải, bao gồm hoặc có chứa các chất nguy hại	Lỏng	36	19 05 02	KS
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	Rắn	36	19 02 06	NH
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	50	18 01 03	KS
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (KS)	Rắn	480	18 02 01	KS
8	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	60	19 06 01	NH
9	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp	Bùn	1.000	12 06 05	KS
10	Bùn thải sau ép từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	10.000	12 06 05	KS
	Tổng khối lượng	-	16.702	-	-

Thùng chứa, bao bì.

2.2.2. Kho lưu giữ:

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp có diện tích: 24 m².

- Khu vực chứa bã mì có diện tích: 3.000 m².

- Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu tường gạch bao quanh, mái che tôn, sàn đúc bê tông cốt thép, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.2.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

2.3.1. Thiết bị lưu giữ:

Bao bì.

2.3.2. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.4.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy dung tích chứa từ 20 – 240 lít.

2.4.2. Khu vực lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

2.4.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng biệt trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố tại kho hóa

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1514../GPMT – UBND
 ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Nhà máy đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 63:2017/BTNMT, cột A $K_q=0,9$, $K_f=1,0$. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $K_p=0,9$ và $K_v=0,8$ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

6. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Nhà máy sau xử lý để